

Bản án số: 177/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 12 năm 2023
Tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L – TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Toàn; Bà Trần Thanh Vân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 594/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 540/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 518/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Mai Văn L, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Khu vực P, phường T, Quận T, Thành phố Cần Thơ. (Có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1980. Vắng mặt

Nơi cư trú: Số B, đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/9/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Mai Văn L trình bày: Năm 2011, ông L và bà G quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân. Đến năm 2016, cả hai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận T, Thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 16/02/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến cự, hôn nhân

không hạnh phúc nên cả hai không còn chung sống với nhau và hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng. Do đó, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà G, vì cả hai có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Về con chung, ông L và bà G có 01 con chung tên Mai Văn Đ, sinh ngày 09/4/2013, hiện đang sống với bà G. Khi ly hôn, ông L đồng ý để bà G được nuôi dưỡng con, đồng thời không cấp dưỡng do bà G không yêu cầu. Ông L và bà G không có tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc G vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử, không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bị đơn.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đăng ký thường trú tại thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn nhận được các văn bản do Tòa án cấp tổng đạt nhưng vắng lần thứ hai tại phiên tòa, không lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 16/02/2016 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận T, Thành phố Cần Thơ, thể hiện giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, quá trình chung sống, nguyên đơn cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng

quan điểm, thiếu sự chia sẻ, cảm thông nhau trong cuộc sống vợ chồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng bị đơn không có ý kiến.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tin tưởng và chia sẻ nhau những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc, không tin tưởng nhau trong đời sống vợ chồng. Quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng bị đơn không quan tâm, không phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, xét về tình nghĩa vợ chồng thì cả hai không chung sống nên không còn nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông L và bà G có 01 con chung tên Mai Văn Đ, sinh ngày 09/4/2013, hiện con đang do bà G chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông L đồng ý cho bà G tiếp tục nuôi con, đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 31/10/2023, cháu Đ có yêu cầu được sống với bà G. Do đó, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sinh hoạt hàng ngày và việc học hành của cháu Đ, Hội đồng xét xử chấp nhận giao quyền cho bà G được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà G cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các đương sự có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng: Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà G không yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 19; Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[1] Về hôn nhân: Ông Mai Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc G. Quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà G chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Ông L và bà G có 01 con tên Mai Văn Đ, sinh ngày 09/4/2013. Bà G được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bà G cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các đương sự có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng: Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà G không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Mai Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002416 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Nguyên đơn đã thực hiện xong.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp.L;
- VKSND Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường T, Quận T;
Thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam